

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 23-5-2022.

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Lâm Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Thanh P, sinh năm 1987

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tô Thị Th, sinh năm 1965 (mẹ ruột anh P), là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tô Thị Th đều trình bày:

Ngày 17/3/2017 anh Mai Thanh P (sau đây gọi tắt là anh P) có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (phòng giao dịch huyện U Minh Thượng, tỉnh

Kiên Giang) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Mỗi năm anh P phải trả nợ gốc cho Ngân hàng chính sách là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng. Sau khi vay anh P có gửi tiền nhờ mẹ ruột là bà Tô Thị Th (sau đây gọi tắt là bà Th) đóng lãi và trả nợ gốc giùm cho anh P mỗi năm là 4.000.000 đồng.

Hàng tháng bà Th đều có đưa tiền lãi và đến hạn đều có đưa tiền cho ông Trần Văn Q (sau đây gọi tắt là ông Q) trả nợ gốc cho Ngân hàng chính sách là 4.000.000 đồng (vì ông Q là tổ trưởng tổ vay vốn). Từ năm 2018 đến năm 2020 bà Th đều có đưa tiền cho ông Q để trả lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đầu năm 2021 bà Th phát hiện năm 2020 Quý không có nộp tiền trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Khi hòa giải ở ấp Cạn Ngọn A ông Q thừa nhận năm 2020 bà Th có đưa tiền cho ông Q để trả nợ gốc cho Ngân hàng, ông Q cho rằng cán bộ Ngân hàng có thu tiền nhưng không ghi vào sổ vay vốn, nên sau đó bà Th mới lên gặp cán bộ Ngân hàng hỏi thì được biết là năm 2020 ông Q không nộp cho Ngân hàng số tiền 4.000.000 đồng. Do ông Q không có nộp tiền cho Ngân hàng nên anh P phải bỏ ra thêm 4.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng chính sách. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền là 4.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2021, ông Q là tổ trưởng tổ vay vốn của ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Yên. Năm 2017 anh Mai Thanh P (con bà Th) có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng số tiền 20.000.000 đồng, mỗi năm trả nợ gốc cho Ngân hàng chính sách là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng. Năm 2018 bà Th có trả cho Ngân hàng chính sách nợ gốc là 4.000.000 đồng, đến năm 2019 thì ông Q có thông báo cho các hộ vay đến UBND xã Thạnh Yên để trả tiền vay. Ngày 14/3/2019 bà Th có đến UBND xã Thạnh Yên và đưa cho ông Q 4.000.000 đồng để trả nợ gốc cho Ngân hàng. Ông Q cho rằng chỉ có nhận của bà Th số tiền 4.000.000 đồng gửi trả Ngân hàng vào năm 2019, còn năm 2020 thì không có nhận tiền của bà Th. Nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn yêu cầu ngày 26/3/2021 (bản chính); Biên bản hòa giải cơ sở ngày 23/4/2021 (bản chính); Giấy ủy quyền tham gia tố tụng; Sổ vay vốn (phô tô). Các biên lai thu tiền lãi và phiếu giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội từ năm 2019 đến năm 2022; Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay.

Bị đơn cung cấp: Phiếu giao dịch ngày 14/3/2019 (phô tô).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Mai Thanh P (người đại diện hợp pháp là bà Tô Thị Th) với bị đơn ông Trần Văn Q là tranh chấp kiện đòi tài sản, cụ thể anh P cho rằng năm 2020 anh P có nhờ mẹ ruột là bà Tô Thị Th đưa tiền cho ông Q để trả nợ gốc cho Ngân hàng chính sách là 4.000.000 đồng, nhưng ông Q không có nộp số tiền này cho Ngân hàng, vì vậy anh P phải bỏ ra thêm 4.00.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Nay anh P yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền là 4.000.000 đồng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, ông Q trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2021 ông Q là tổ trưởng tổ vay vốn của ấp Cạn Ngọn A. Năm 2019 bà Th có đưa cho ông Q số tiền là 4.000.000 đồng để trả khoản nợ vay của anh Mai Thanh P (là con ruột của bà Th), còn lại những năm khác ông Q không biết.

Theo bà Th thì từ năm 2018 đến năm 2020 mỗi tháng bà Th đều có đến nhà ông Q để nộp tiền lãi cho Ngân hàng và mỗi năm bà Th đều có đưa cho ông Q số tiền của anh P gửi trả cho Ngân hàng là 4.000.000 đồng. Khi biết ông Q không nộp tiền cho Ngân hàng thì từ năm 2021 đến năm 2022 bà Th tự đến Ngân hàng chính sách để nộp tiền.

Theo phiếu giao dịch ngày 14/4/2022 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng thì ông Phương đã tắt toán xong nợ cho Ngân hàng.

Theo thẻ theo dõi giao dịch tiền vay ngày 15/3/2021 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng) thì từ ngày 20/3/2017 đến ngày 15/3/2021 hàng tháng ông Phương đều có trả lãi đều đặn và trả nợ gốc với số tiền là 4.000.000 đồng vào các năm 2018, 2019, 2021. Năm 2020 thì không có trả nợ gốc.

Tại phiên tòa, ông Q khẳng định năm 2019 bà Th có đưa tiền cho ông Q là 4.000.000 đồng để trả nợ gốc cho ông Phương, còn năm 2020 bà Th đi vắng không có nhà nên không có gửi tiền cho ông Q nộp trả nợ gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong đoạn ghi âm do bà Th cung cấp thì ông Q thừa nhận là năm 2020 bà Th có đưa tiền cho ông Q trả nợ cho Ngân hàng là 4.000.000 đồng. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 8/4/2022 và tại phiên tòa ông Q đều thừa nhận đoạn ghi âm do bà Th cung cấp là cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà Th và ông Q, nhưng cho rằng lúc bà Th điện thoại cho ông Q thì ông Q chuẩn bị cho tôm ăn nên lu bu, ông Q có nói là có 01 năm bà Th không đóng tiền cho Ngân hàng nhưng không nhớ năm nào.

Xét lời trình bày của ông Q là không có cơ sở chấp nhận, vì tại phiên tòa ông Q khẳng định là chỉ có thu tiền của bà Th 01 năm duy nhất là năm 2019, chứ không phải thu nhiều năm nên việc ông Q cho rằng không nhớ thu năm nào là không có căn cứ. Trong đoạn ghi âm ông Q thừa nhận năm 2020 bà Th có đưa tiền cho ông Q trả nợ gốc cho Ngân hàng, nhưng tại phiên tòa lại cho rằng năm 2020 bà Th không có đưa tiền cho ông Q vì bà Th đi vắng là mâu thuẫn trong lời trình bày của ông Q.

Nhận thấy, việc ông Q thừa nhận trong đoạn ghi âm có thu tiền của bà Th vào năm 2020, nhưng lại không nộp tiền lại cho Ngân hàng là việc làm không đúng, dẫn đến anh P (là người vay) phải bỏ ra thêm 4.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng chính sách. Vì vậy, nguyên đơn anh Mai Thanh P khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại số tiền 4.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Mai Thanh P số tiền là 4.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Ông Q phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng.

Anh Mai Thanh P (người đại diện hợp pháp là bà Tô Thị Th) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003087 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Thanh P (người đại diện hợp pháp là bà Tô Thị Th) đối với bị đơn ông Trần Văn Q về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

2. Buộc ông Trần Văn Q có nghĩa vụ trả lại cho anh Mai Thanh P số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn anh Mai Thanh P (người đại diện hợp pháp là bà Tô Thị Th) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003087 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh